

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Ngày 30/06/2025	1,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-	-

DT thuần Q2/25
2.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.02 91.7%
YoY: ▼0.40 -15.9%

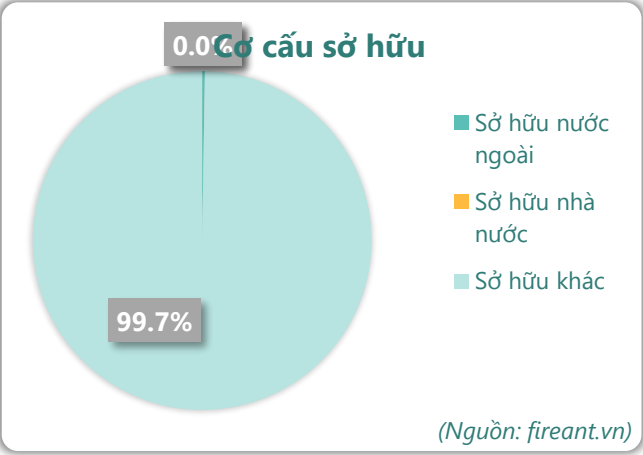
LN thuần Q2/25
-2.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.72 42.0%
YoY: ▲ 3.92 62.2%

LN sau thuế Q2/25
-2.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.70 41.5%
YoY: ▲ 5.56 69.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-32.1%
YoY: +/-▲ 204%

ROE (TTM) Q2/25
-12.1%
YoY: +/-▲ 5.2%

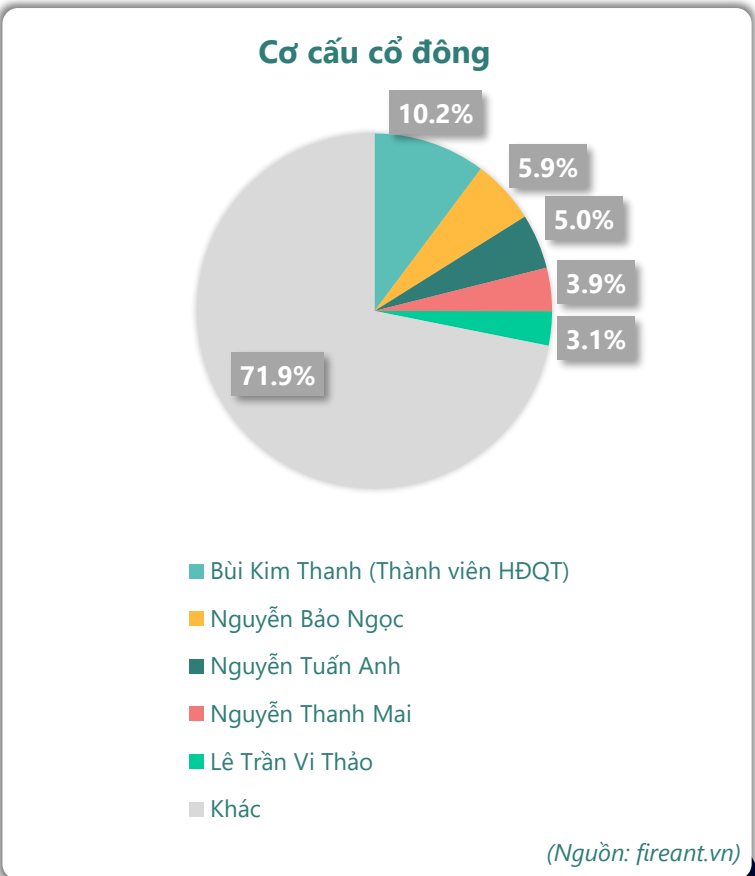
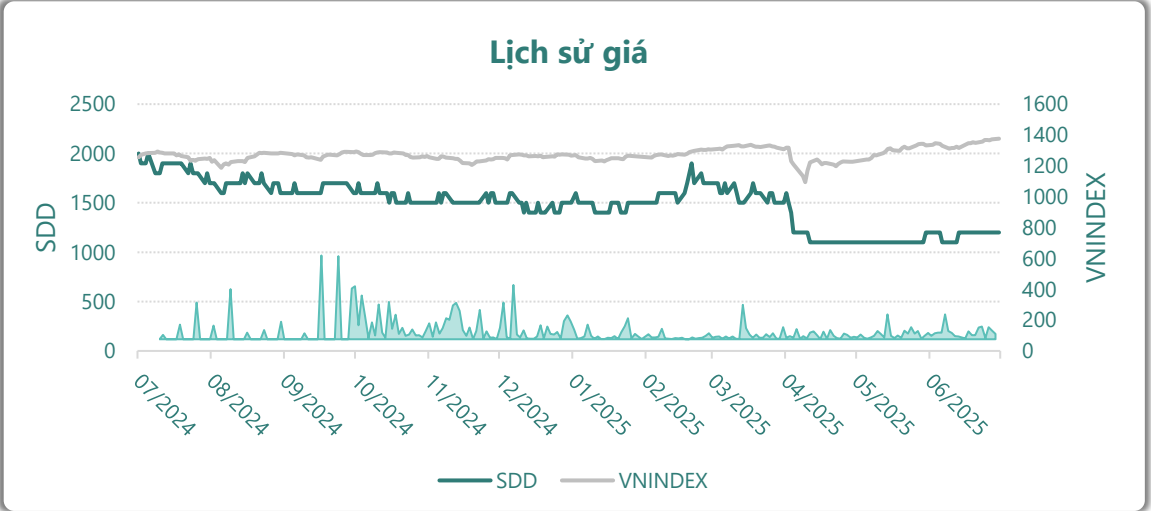
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,100 - 2,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19
Số lượng CPLH (CP)	16,007,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,240
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.35
EPS	-683
P/E	-1.8



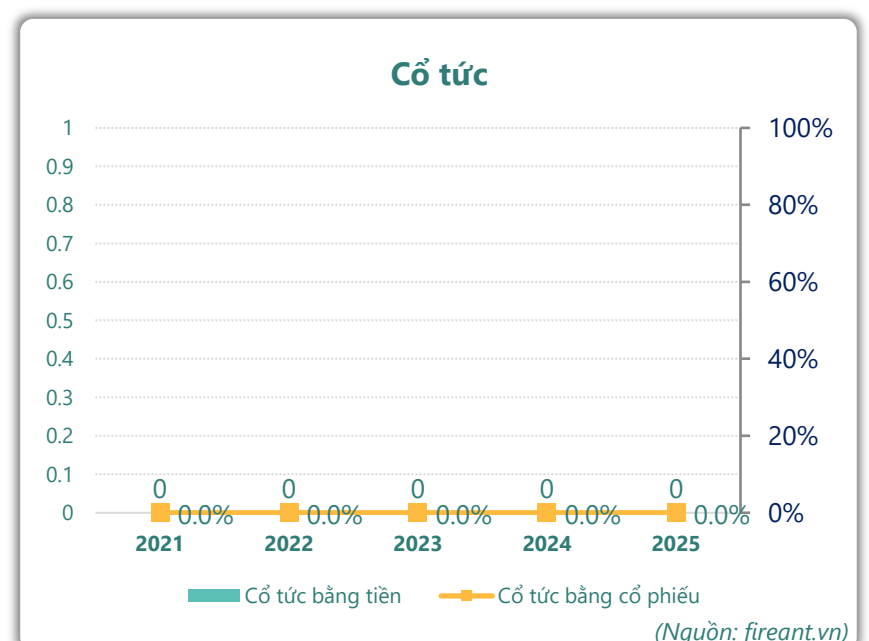
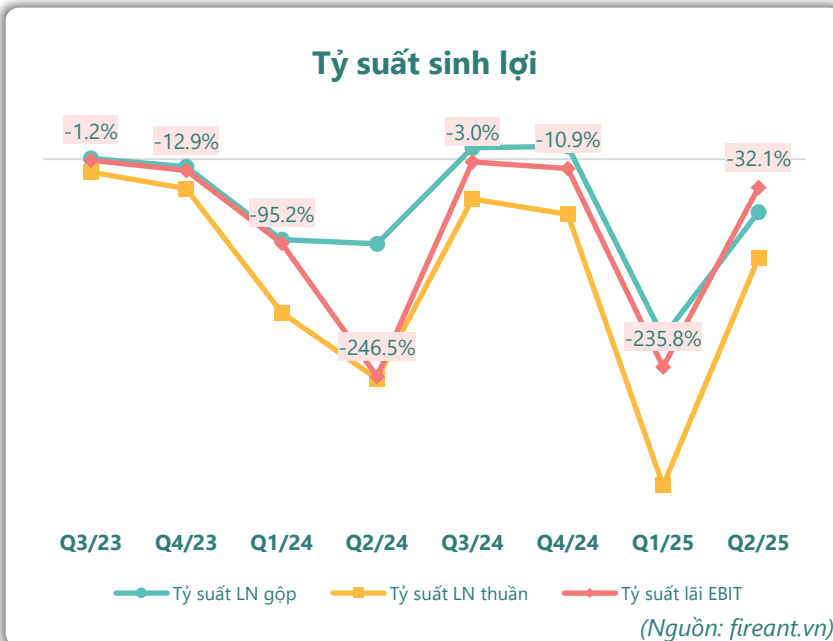
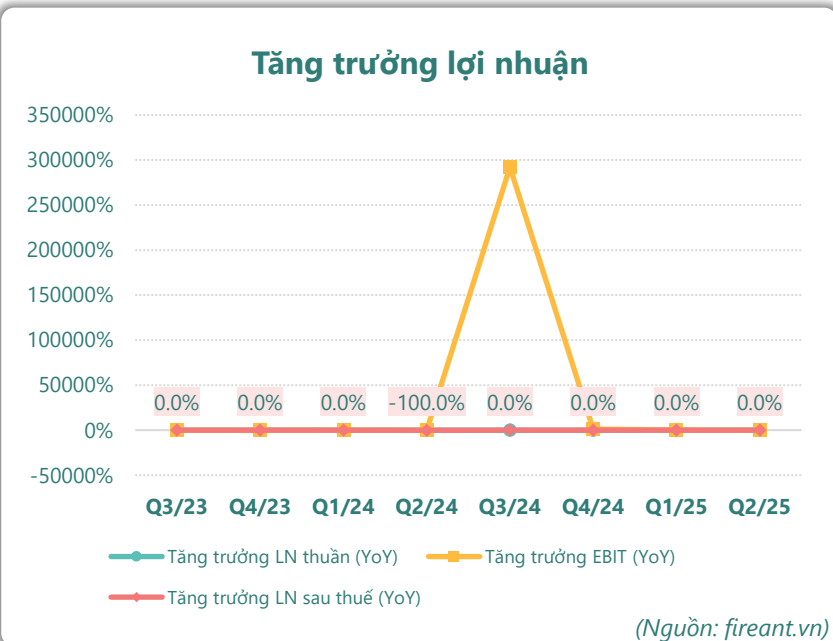
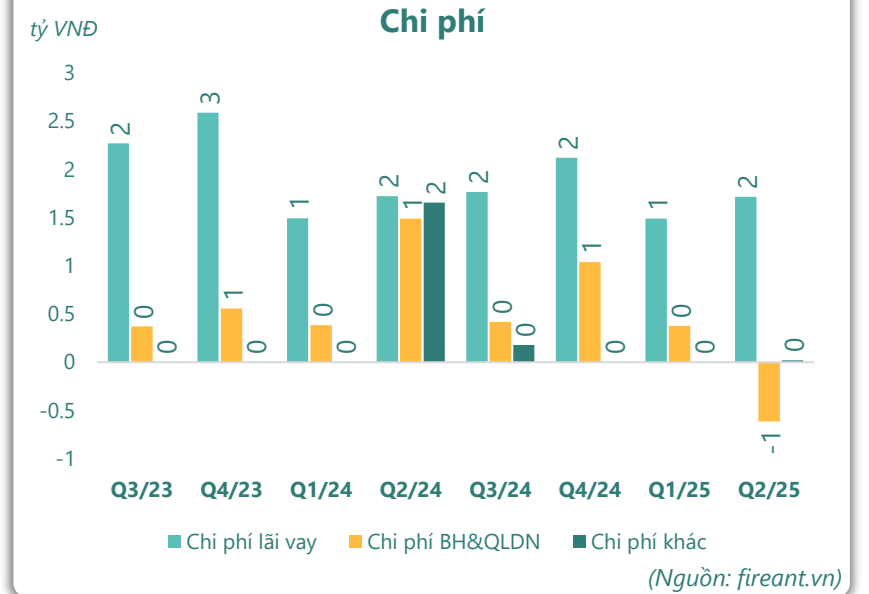
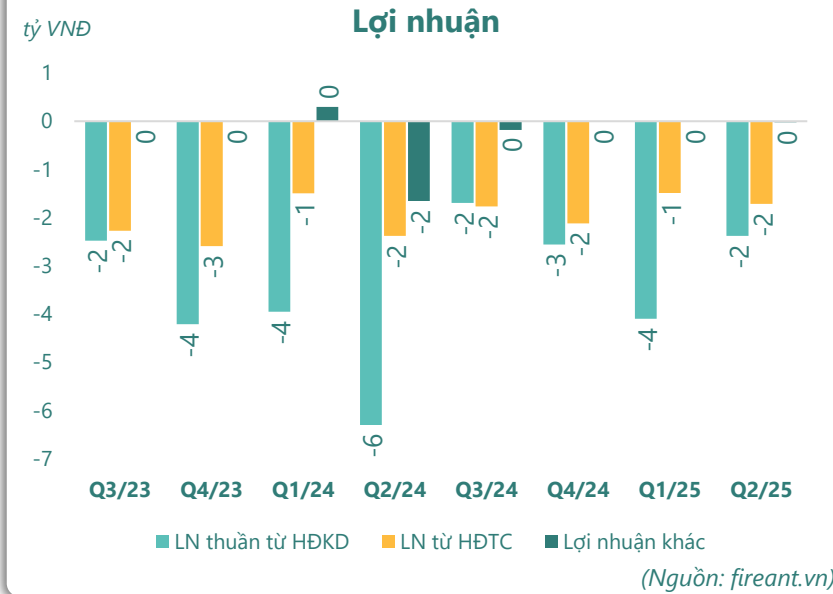
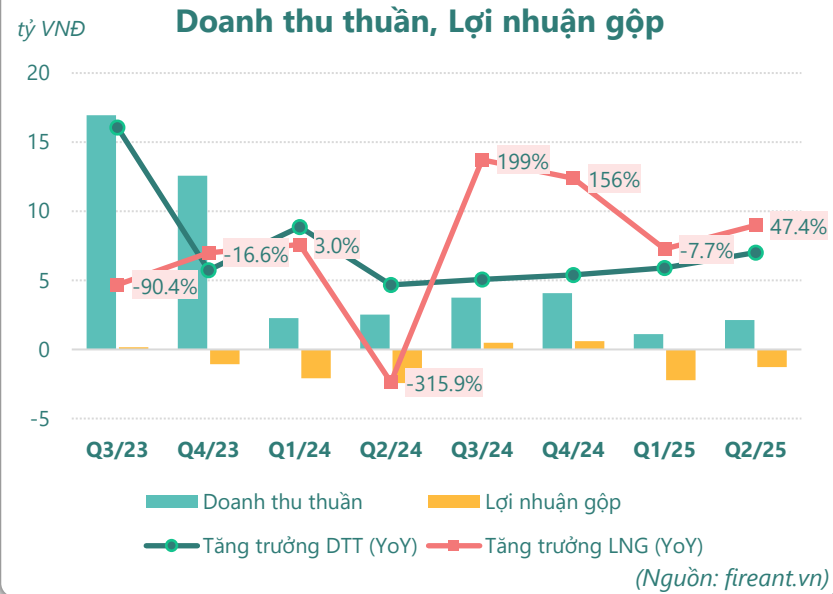
DT thuần 6T 2025
3.24
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.56 -32.6%

LN thuần 6T 2025
-6.48
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.82 36.8%

LN sau thuế 6T 2025
-6.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.10 44.0%



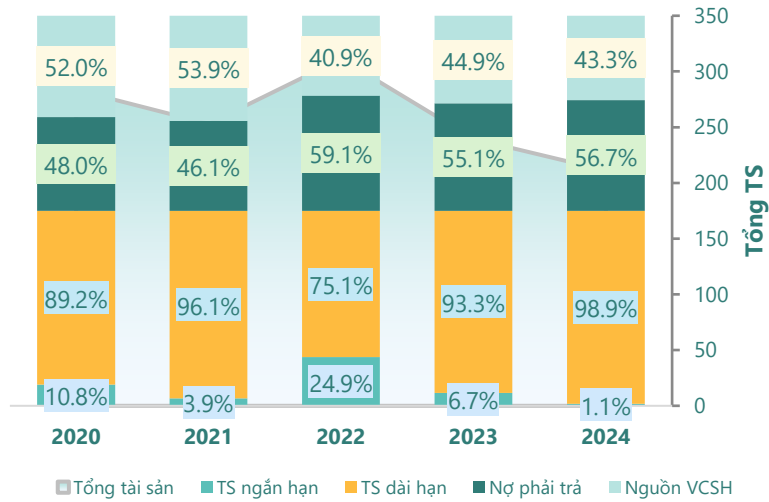
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

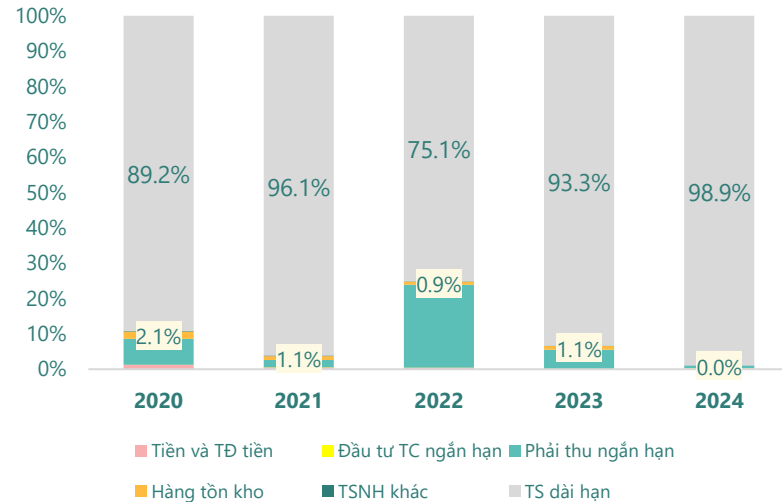
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

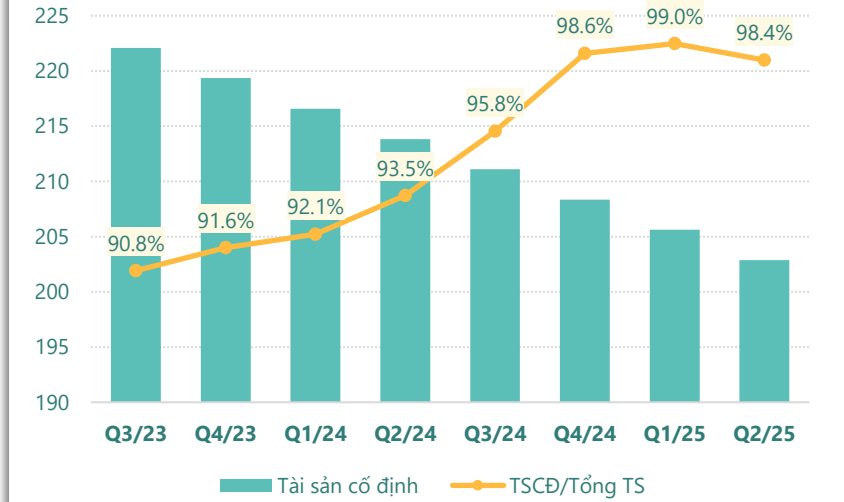
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

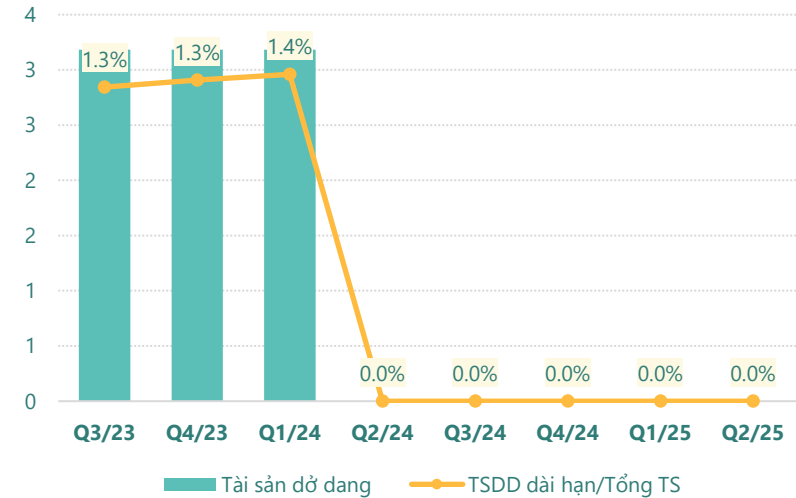
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

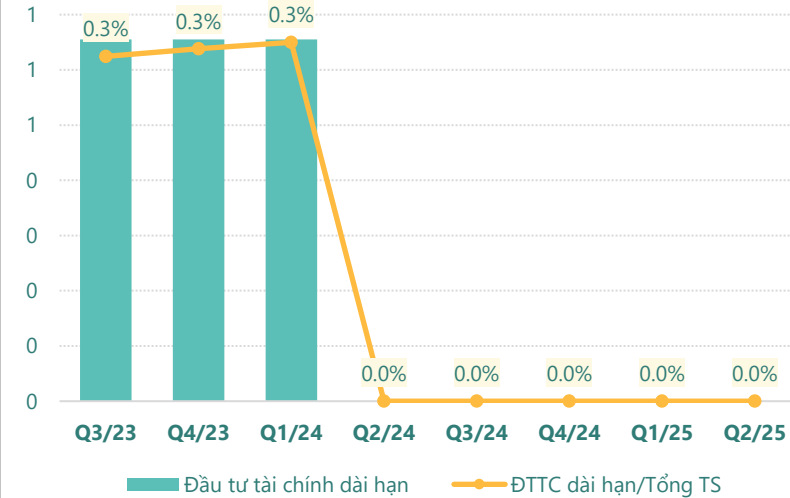
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

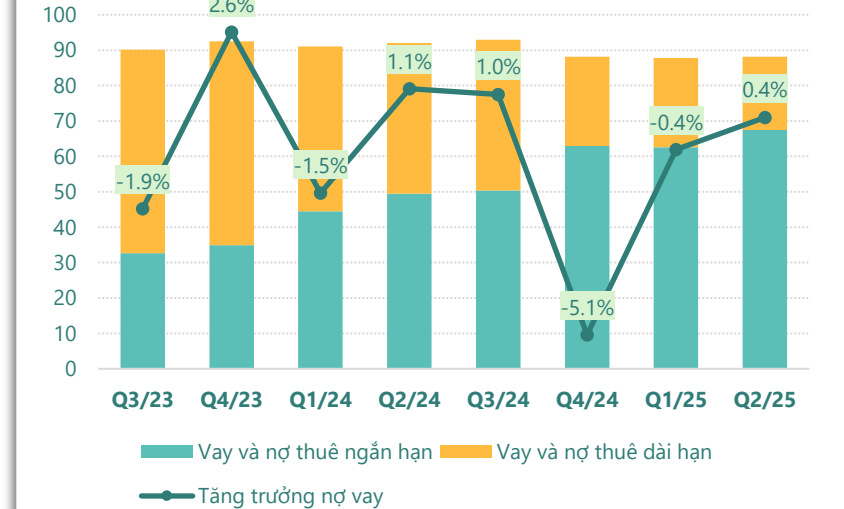
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

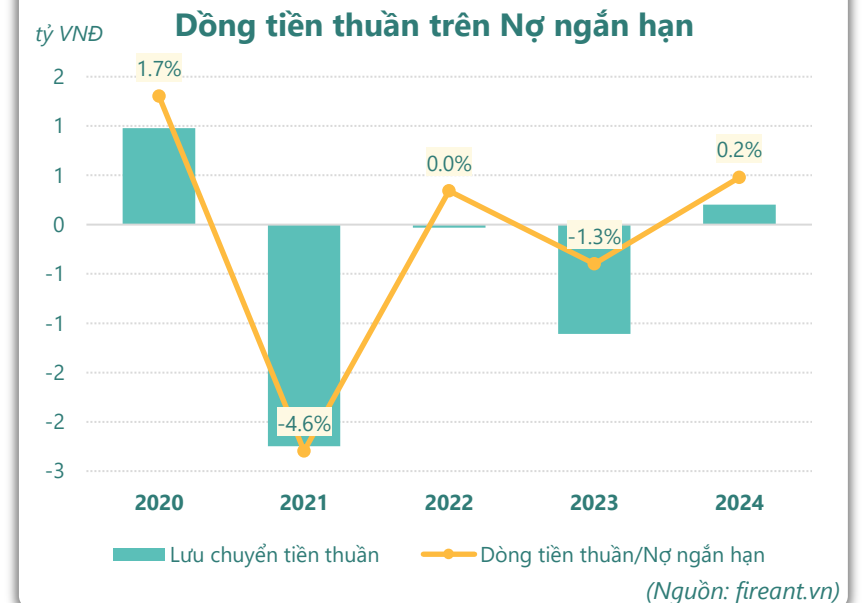
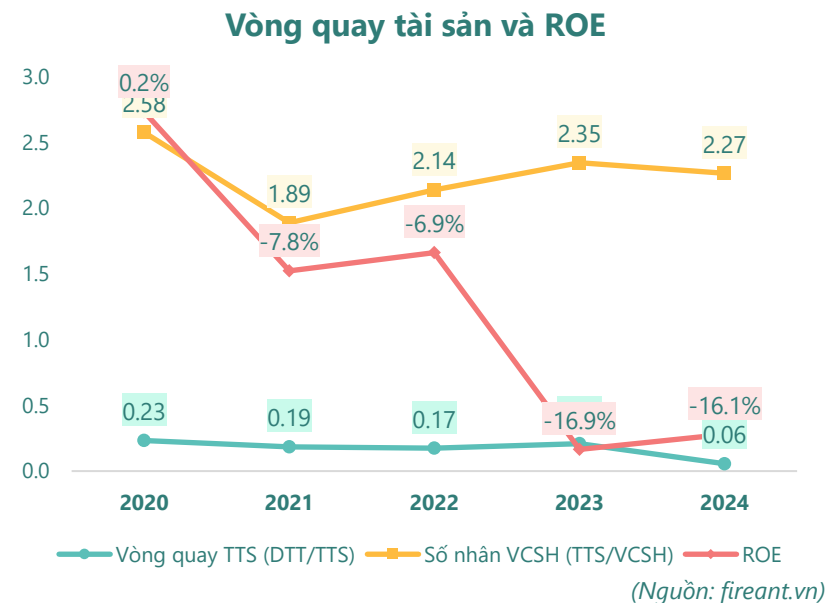
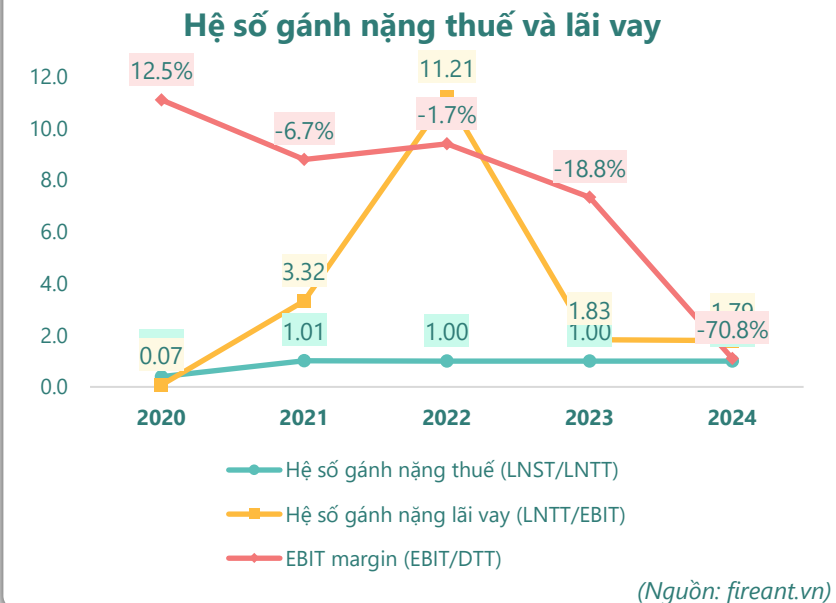
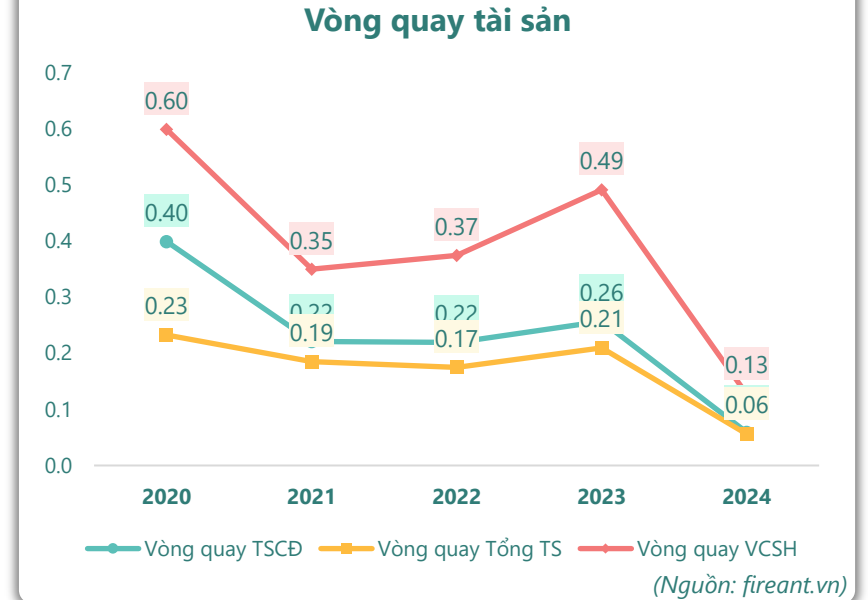
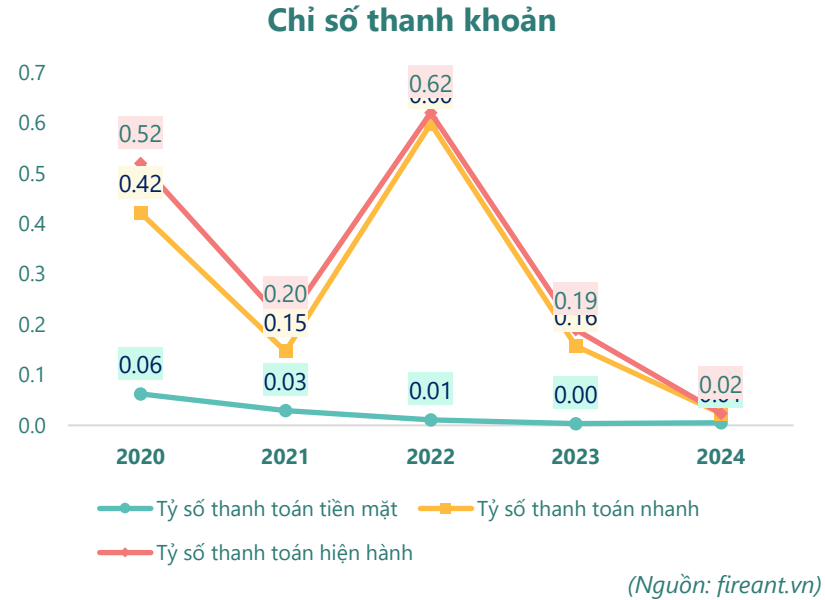
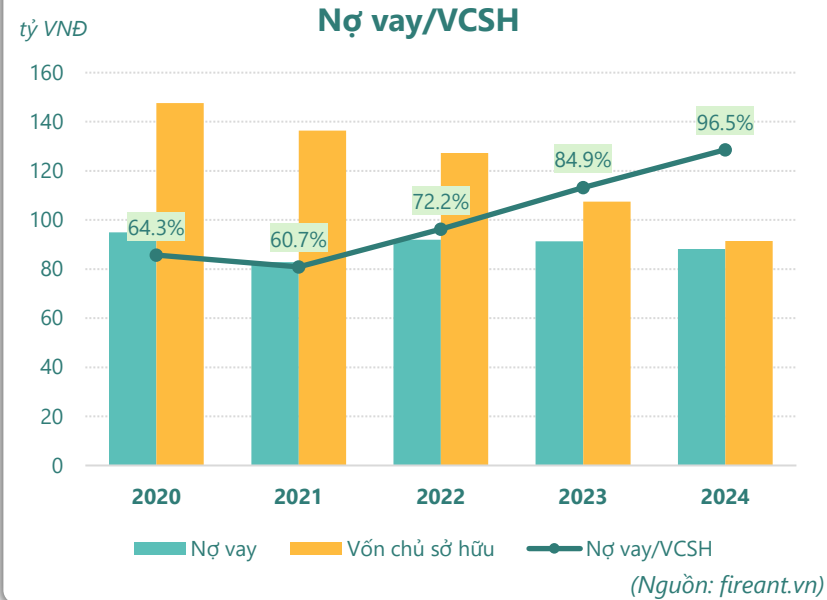
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2.13	2.53	-15.9%	3.24	4.80	-32.6%
Giá vốn hàng bán	3.41	4.96	-31.3%	6.75	9.30	-27.5%
Lợi nhuận gộp	-1.28	-2.43	47.4%	-3.51	-4.50	22.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	126%
Chi phí TC	1.72	2.38	-27.8%	3.21	3.87	-17.2%
Chi phí lãi vay	1.72	1.72	-0.2%	3.21	3.22	-0.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	-0.62	1.49	-141%	-0.24	1.88	-113%
LN thuần từ HĐKD	-2.38	-6.30	62.2%	-6.48	-10.3	36.8%
Lợi nhuận khác	-0.02	-1.66	98.8%	-0.02	-1.36	98.5%
LN trước thuế	-2.40	-7.96	69.8%	-6.50	-11.6	44.0%
Lợi nhuận sau thuế	-2.40	-7.96	69.8%	-6.50	-11.6	44.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.40	-7.96	69.8%	-6.50	-11.6	44.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.03	-1.05	-0.91	5.25	0.32	-0.42
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.26	1.02	0.90	-4.78	-0.38	0.34
Tiền đầu kỳ	0.29	0.07	0.03	0.02	0.50	0.44
Lưu chuyển tiền thuần	-0.23	-0.03	-0.01	0.47	-0.06	-0.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.07	0.03	0.02	0.50	0.44	0.36

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	206	211	-2.4%
Tài sản ngắn hạn	2.80	2.23	25.5%
Tiền và tương đương tiền	0.36	0.50	-26.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	2.39	1.61	48.2%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.12	-64.3%
Tài sản dài hạn	203	209	-2.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	203	208	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.51	0.66	-21.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	121	120	1.2%
Nợ ngắn hạn	101	94.6	6.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.4	63.0	7.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.5	11.9	-12.1%
Nợ dài hạn	20.7	25.2	-17.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.7	25.2	-17.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	84.9	91.4	-7.1%
Vốn chủ sở hữu	84.9	91.4	-7.1%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

